

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Số: *HA*/BC - TĐTĐB - P5

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 - NĂM 2024

Yên Bái, ngày 26 tháng 04 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		347.505.434.391	373.682.120.483
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	104.283.677.328	128.305.931.825
111	1. Tiền		56.683.677.328	15.205.931.825
112	2. Các khoản tương đương tiền		47.600.000.000	113.100.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	22.000.000.000	10.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		22.000.000.000	10.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		213.651.937.797	219.430.436.992
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		152.375.142.293	159.929.636.566
132	2. Trả trước cho người bán		57.167.669.945	53.778.106.532
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	5.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	5	6.453.356.929	3.769.905.984
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.344.231.370)	(3.047.212.090)
140	IV. Hàng tồn kho	6	6.741.542.402	5.527.795.086
141	1. Hàng tồn kho		6.741.542.402	5.527.795.086
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		828.276.864	10.417.956.580
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		427.911.928	467.351.428
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	400.364.936	9.950.605.152
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.160.279.268.963	1.162.230.883.157
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
215	1. Phải thu dài hạn khác		-	-
220	II. Tài sản cố định		874.468.831.008	888.743.227.485
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	858.197.218.573	872.239.979.251
222	- Nguyên giá		2.599.504.901.060	2.596.863.000.841
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.741.307.682.487)	(1.724.623.021.590)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	16.271.612.435	16.503.248.234
228	- Nguyên giá		23.192.381.858	23.192.381.858
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.920.769.423)	(6.689.133.624)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		9.462.362.332	11.552.327.710
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	9.462.362.332	11.552.327.710
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		182.383.949.265	163.470.223.812
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		101.214.949.265	82.301.223.812
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		81.169.000.000	81.169.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		93.964.126.358	98.465.104.150
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		1.432.113.286	1.813.347.882
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		1.040.648.490	1.063.763.421
269	2. Lợi thế thương mại		91.491.364.582	95.587.992.847
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.507.784.703.354	1.535.913.003.640



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		184.903.840.274	196.804.161.108
310	I. Nợ ngắn hạn		154.903.840.274	151.804.161.108
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		1.860.266.898	4.288.917.972
312	2. Người mua trả tiền trước		4.139.676.043	3.596.854.522
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	13.094.613.596	1.809.284.895
314	4. Phải trả người lao động		4.162.715.595	12.198.438.450
315	5. Chi phí phải trả	12	984.194.265	1.330.988.785
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	13	67.715.600.253	67.779.208.696
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		60.000.000.000	60.000.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.946.773.624	800.467.788
324	9. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
330	II. Nợ dài hạn		30.000.000.000	45.000.000.000
331	1. Phải trả dài hạn người bán dài hạn		-	-
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		30.000.000.000	45.000.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.322.880.863.080	1.339.108.842.532
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	1.322.880.863.080	1.339.108.842.532
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		635.000.000.000	635.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		635.000.000.000	635.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	5. Cổ phiếu quỹ		-	-
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		302.057.614.951	302.057.614.951
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		96.146.051.616	123.485.083.708
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		56.985.083.708	61.279.057.594
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		39.160.967.908	62.206.026.114
429	12. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		289.677.196.513	278.566.143.873
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.507.784.703.354	1.535.913.003.640

Người lập



Nguyễn Trung Hiếu

Kế Toán trưởng



Lê Hồng Minh



Yên Bái, Ngày 26 tháng 04 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quyền



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 1 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1 năm 2024	Quý 1 năm 2023	Lũy kế đến 31/03/2024	Lũy kế đến 31/03/2023
			VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	110.826.187.548	156.670.537.496	110.826.187.548	156.670.537.496
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		110.826.187.548	156.670.537.496	110.826.187.548	156.670.537.496
11	4. Giá vốn hàng bán	17	38.571.531.411	46.520.494.420	38.571.531.411	46.520.494.420
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		72.254.656.137	110.150.043.076	72.254.656.137	110.150.043.076
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	2.714.902.114	2.150.887.906	2.714.902.114	2.150.887.906
22	7. Chi phí tài chính	19	1.688.630.138	2.701.232.877	1.688.630.138	2.701.232.877
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.688.630.138	2.701.232.877	1.688.630.138	2.701.232.877
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(294.764.547)	200.591.264	(294.764.547)	200.591.264
25	9. Chi phí bán hàng		-	-	-	-
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp		14.033.694.353	12.805.023.348	14.033.694.353	12.805.023.348
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		58.952.469.213	96.995.266.021	58.952.469.213	96.995.266.021
31	12. Thu nhập khác	20	141.331.600	169.903.200	141.331.600	169.903.200
32	13 Chi phí khác	21	115.001.717	144.458.196	115.001.717	144.458.196
40	14 Lợi nhuận khác		26.329.883	25.445.004	26.329.883	25.445.004



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1 năm 2024	Quý 1 năm 2023	Lũy kế đến 31/03/2024	Lũy kế đến 31/03/2023
			VND	VND	VND	VND
50	15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		58.978.799.096	97.020.711.025	58.978.799.096	97.020.711.025
51	16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		8.683.663.617	17.752.142.274	8.683.663.617	17.752.142.274
52	17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		23.114.931	-	23.114.931	-
60	18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		50.272.020.548	79.268.568.751	50.272.020.548	79.268.568.751
	19 Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ		39.160.967.908	71.714.647.990	39.160.967.908	71.714.647.990
	20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		11.111.052.640	7.553.920.761	11.111.052.640	7.553.920.761
70	21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu		617	1.129	617	1.129
71	22 Lãi suy giảm trên cổ phiếu		617	1.129	617	1.129

Người lập



Nguyễn Trung Hiếu

Kế Toán trưởng



Lê Hồng Minh



Yên Bái, Ngày 26 tháng 04 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quyền



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/03/2024	31/03/2023
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		58.978.799.096	97.020.711.025
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		21.005.930.797	24.209.399.540
03	- Các khoản dự phòng		(702.980.720)	(337.319.050)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.714.902.114)	(2.150.887.906)
06	- Chi phí lãi vay		1.688.630.138	2.701.232.877
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		78.255.477.197	121.443.136.486
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		11.787.728.899	(153.892.392.649)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(1.213.747.316)	(514.641.770)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(5.683.833.576)	676.187.004
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		393.401.369	737.989.703
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.973.424.658)	(2.911.232.877)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.775.562.190)	(18.255.062.942)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(853.694.164)	(696.915.164)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		78.936.345.561	(53.412.932.209)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(517.667.950)	(569.373.643)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(12.000.000.000)	
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của		(13.913.725.453)	25.299.408.736
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.958.893.346	1.481.756.398
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(24.472.500.057)	26.211.791.491
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
35	5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(63.486.100.001)	(21.122.972.310)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(78.486.100.001)	(36.122.972.310)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/03/2024	31/03/2023
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(24.022.254.497)	(63.324.113.028)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		128.305.931.825	109.112.407.311
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ		<u>104.283.677.328</u>	<u>45.788.294.283</u>



Nguyễn Trung Hiếu
Người lập



Lê Hồng Minh
Kế Toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Ngày 26 tháng 04 năm 2024



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2024

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 . Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 31 tháng 03 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 01 tháng 06 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 635.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 03 năm 2024 là 635.000.000.000 đồng; tương đương 63.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

1.2 . Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là năng lượng điện

1.3 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo các công trình thủy công, công trình kiến trúc, các thiết bị của nhà máy thủy điện và trạm biến áp, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình điện;
- Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện;
- Bồi dưỡng, đào tạo về quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải và du lịch.

1.4 . Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty là 12 tháng bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

1.5 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm dịch vụ kỹ thuật và Công ty sở hữu trực tiếp một công ty con, một công ty liên kết với thông tin cụ thể như sau:

* Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà - Trung Tâm dịch vụ kỹ thuật

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái

* Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum (Công ty con)

Địa chỉ: Thôn Bản Xèo 1, xã Bản Xèo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

* Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 (Công ty liên kết)

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái

1.6 . Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31/03/2024 Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm dịch vụ kỹ thuật và Công ty sở hữu trực tiếp 1 công ty con, một công ty liên kết với thông tin cụ thể như sau:

- Công ty con

Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở	Hoạt động chính trong năm
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum	50,94%	50,94%	Thôn Bản Xèo 1, xã Bản Xèo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào cai, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh điện năng

- Công ty liên kết

Tên công ty	Cam kết góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở	Hoạt động chính trong năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	49%	49%	Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái	Đầu tư Dự án Thủy điện Thác Bà 2

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức Nhật ký chung

2.3 . Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính của Công ty (được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và chi nhánh) và công ty con cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Nhóm công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường nhóm công ty được coi là ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% đến dưới 50% quyền bỏ phiếu ở công ty nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư ban đầu được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của nhóm công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của nhóm công ty trong Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cản trừ vào khoản đầu tư công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với nhóm công ty trong trường hợp cần thiết.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cản trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.7 . Hàng tồn kho



Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	09 - 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	05 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	50 năm

2.9 . Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, Nhóm Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.12 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được xác định căn cứ theo các hợp đồng mua bán điện được Công ty và Công ty con ký kết với Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các phụ lục hợp đồng có liên quan.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

2.13 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông

2.14 . Các khoản thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và

- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và

- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

- Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

2.15 . Thông tin theo bộ phận

Do đặc thù của Nhóm Công ty là hoạt động sản xuất kinh doanh điện chiếm trên 98% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

2.16 . Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân được coi là liên quan.

3 . HỢP NHẤT KINH DOANH

Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5300526931 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 17 tháng 6 năm 2011 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 7 ngày 28 tháng 09 năm 2020. Công ty này có trụ sở chính tại thôn Bản Xèo 1, xã Bản Xèo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm của công ty này là sản xuất và kinh doanh điện năng.

Công ty mua Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum với mục đích phát triển mảng sản xuất và kinh doanh điện năng của Công ty.

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	772.981.903	377.052.900
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	55.910.695.425	14.828.878.925
Các khoản tương đương tiền (*)	47.600.000.000	113.100.000.000
	104.283.677.328	128.305.931.825

(*) Đây là các khoản tiền gửi bằng VNĐ đến ngày 31/03/2024 tại ngân hàng có kỳ hạn dưới 1 tháng đến dưới 3 tháng và hưởng lãi suất tương ứng từ 3,65%/năm đến 3,8%/năm.

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

a	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	31/03/2024		01/01/2024	
		Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	Ngắn hạn				
-	Tiền gửi có kỳ hạn (**)	22.000.000.000	22.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000

- Trái phiếu	-	-	-	-
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
	22.000.000.000	22.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000

(**) Tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 03 năm 2024 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn 6 tháng và hưởng lãi suất tương ứng 5,2%/năm.

b	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	31/03/2024		01/01/2024	
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	Công ty Cổ phần Thủy điện				
-	Thái An (***)	48.550.000.000	-	48.550.000.000	-
	Công ty Cổ phần Nhiệt điện				
-	Hải Phòng (****)	32.619.000.000	42.900.000.000	32.619.000.000	42.000.000.000
		<u>81.169.000.000</u>	<u>42.900.000.000</u>	<u>81.169.000.000</u>	<u>42.000.000.000</u>

(***) Tại ngày 31/03/2024, Công ty nắm giữ 5% quyền biểu quyết tương ứng 200.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An. Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(****) Tại ngày 31/03/2024, Công ty nắm giữ 0,6% quyền biểu quyết tương ứng 3.000.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng. Cổ phiếu của công ty này được giao dịch trên thị trường UPCOM với mức giá giao dịch đóng cửa vào ngày cuối có giao dịch trong tháng 03 năm 2024 là 14.300 VND/cổ phiếu (tháng 12 năm 2023: 14.000 VND/cổ phiếu).

c Đầu tư vào công ty liên kết

Đơn vị tính: VNĐ

Công ty Cổ phần đầu tư Thủy điện Thác Bà 2

Giá trị đầu tư

Số 01/01/2024

84.652.890.000

- Tăng trong năm

19.208.490.000

Lũy kế đến 31/03/2024

103.861.380.000

Phần lũy kế lợi nhuận (lỗ) từ công ty liên kết

Số 01/01/2024

(2.351.666.188)

- Phần lỗ từ công ty liên kết

(294.764.547)

Lũy kế đến 31/03/2024

(2.646.430.735)

Giá trị còn lại

Số 01/01/2024

82.301.223.812

Lũy kế đến 31/03/2024

101.214.949.265

5 PHẢI THU KHÁC

a Ngắn hạn

	31/03/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1.656.000.000	-	1.200.000.000	-
Phải thu về lãi tiền gửi	456.477.261	-	179.317.297	-
Phải thu người lao động	453.226.681	-	-	-
Ký quỹ, ký cược	-	-	-	-
Phải thu khác	3.887.652.987	-	2.390.588.687	-
	<u>6.453.356.929</u>	-	<u>3.769.905.984</u>	-
b Dài hạn	-	-	-	-



6 . HÀNG TỒN KHO

	31/03/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.820.818.957		3.418.264.405	
Công cụ, dụng cụ	456.054.145		396.007.144	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.464.669.300		1.713.523.537	
	6.741.542.402		5.527.795.086	

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/03/2024	01/01/2024
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	341.973.983	647.161.843
Thuế Giá trị gia tăng	-	3.887.400.127
Thuế tài nguyên	-	5.357.652.229
Thuế Thu nhập Doanh nghiệp	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	58.390.953	58.390.953
	400.364.936	9.950.605.152

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất
Quý 1 năm 2024

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2024	1.353.220.079.379	1.202.990.151.039	30.658.843.042	9.043.373.881	950.553.500	2.596.863.000.841
Mua sắm	-	73.608.000	-	-	-	73.608.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	2.568.292.219	-	-	-	2.568.292.219
Tặng do mua công ty con	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2024	1.353.220.079.379	1.205.632.051.258	30.658.843.042	9.043.373.881	950.553.500	2.599.504.901.060
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2024	659.975.732.364	1.038.329.302.052	19.333.835.535	6.044.394.713	939.756.926	1.724.623.021.590
Trích khấu hao	10.116.923.379	5.921.832.262	437.800.908	199.804.716	1.305.468	16.677.666.733
Tặng khác	6.994.164	-	-	-	-	6.994.164
Tặng do mua công ty con	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2024	670.099.649.907	1.044.251.134.314	19.771.636.443	6.244.199.429	941.062.394	1.741.307.682.487
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2024	693.244.347.015	164.660.848.987	11.325.007.507	2.998.979.168	10.796.574	872.239.979.251
Tại ngày 31/03/2024	683.120.429.472	161.380.916.944	10.887.206.599	2.799.174.452	9.491.106	858.197.218.573



9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2024	20.558.322.400	2.634.059.458	23.192.381.858
Mua sắm	-	-	-
Tăng do mua công ty con	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Tại ngày 31/03/2024	20.558.322.400	2.634.059.458	23.192.381.858
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2024	5.571.800.974	1.117.332.650	6.689.133.624
Trích khấu hao	102.788.304	128.847.495	231.635.799
Tăng do mua công ty con	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Tại ngày 31/03/2024	5.674.589.278	1.246.180.145	6.920.769.423
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2024	14.986.521.426	1.516.726.808	16.503.248.234
Tại ngày 31/03/2024	14.883.733.122	1.387.879.313	16.271.612.435

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

Chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	31/03/2024	01/01/2024
	VND	VND
Dự án nâng cấp thiết bị tổ máy - NMTĐ Thác Bà	6.415.139.306	6.311.024.101
Dự án nâng cấp thiết bị điện - NMTĐ Thác Bà	195.222.208	2.507.802.791
Dự án đầu tư thiết bị nâng hạ cánh phai tràn - NMTĐTB	127.777.778	127.777.778
Dự án thay mới hệ thống ắc quy 220VDC - NMTĐTB	26.400.000	26.400.000
Dự án thay mới hệ thống rơ le bảo vệ đường dây 110 kV-NMTĐTB	99.200.000	99.200.000
Dự án thay mới máy nén khí cao áp N1, N2 - NMTĐTB	51.200.000	51.200.000
Dự án thay mới máy nén khí hạ áp N3, N4 - NMTĐTB	28.800.000	28.800.000
Mường hum mở rộng	1.847.050.542	1.847.050.542
Kè phía cột điện số 01 NMTĐ Mường Hum	158.116.942	158.116.942
Kè ta luy dương phía ngăn lộ 35kV trạm 110 NM Mường Hum	394.955.556	394.955.556
Khác	118.500.000	
	9.462.362.332	11.552.327.710

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2024	Số phải nộp	Số đã thực nộp	31/03/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia	(3.887.400.127)	8.563.012.253	2.861.284.010	1.814.328.116
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.693.978.087	8.683.663.617	1.775.562.190	8.602.079.514
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	1.642.083.605		1.642.083.605
Thuế Tài nguyên	(5.357.652.229)	9.165.917.902	2.901.707.822	906.557.851
Thuế Thu nhập cá nhân	(647.161.843)	1.113.882.534	794.436.972	(327.716.281)
Các loại thuế khác	(58.390.953)	7.000.000	7.000.000	(58.390.953)
	(8.256.627.065)	29.175.559.911	8.339.990.994	13.094.613.596

12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

a	Ngắn hạn	31/03/2024	01/01/2024
		VND	VND
	Chi phí lãi vay	984.194.265	1.268.988.785
	Chi phí phải trả khác	-	62.000.000
		984.194.265	1.330.988.785

b Dài hạn**c Lợi thế thương mại****Nguyên giá:**

Tại ngày 01/01/2024

- Tăng trong năm

Lũy kế đến 31/03/2024

Phân bổ lũy kế:

Tại ngày 01/01/2024

- Phân bổ trong năm

Lũy kế đến 31/03/2024

Giá trị còn lại

Tại ngày 01/01/2024

Lũy kế đến 31/03/2024

Đơn vị tính: VNĐ
Công Ty Cổ Phần Thủy điện Mường Hum

95.587.992.847

95.587.992.847

4.096.628.265

4.096.628.265

95.587.992.847

91.491.364.582

13 . PHẢI TRẢ KHÁC

a	Ngắn hạn	31/03/2024	01/01/2024
		VND	VND
	Kinh phí công đoàn, BHYT, BHTN, BHXH	53.336.100	29.154.900
	Phải trả cổ tức cho cổ đông	63.705.991.748	63.692.091.749
	Phí dịch vụ Môi Trường Rừng	3.288.565.764	3.376.916.351
	Phải trả, phải nộp khác	667.706.641	681.045.696
		67.715.600.253	67.779.208.696

b Dài hạn**c Số nợ quá hạn chưa thanh toán****14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**0493
TY
IÂN
ĐIÊN
BÀ
I.T.Y

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 1 năm 2024

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2024	635.000.000.000	-	302.057.614.951	278.566.143.873	123.485.083.708	1.339.108.842.532
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	11.111.052.640	39.160.967.908	50.272.020.548
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-
Tăng do mua công ty con	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn	-	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(63.500.000.000)	(63.500.000.000)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-
Điều chỉnh khác (*)	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2024	635.000.000.000,00	-	302.057.614.951,00	289.677.196.513	96.146.051.616	1.322.880.863.080

		31/03/2024	01/01/2024
b) Các quỹ công ty			
Quỹ đầu tư phát triển		302.057.614.951	302.057.614.951
		<u>302.057.614.951</u>	<u>302.057.614.951</u>
16 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ			Lũy kế đến
	Quý 1 năm 2024		31/03/2024
	VND		VND
Doanh thu bán điện thương phẩm		109.800.367.820	109.800.367.820
Doanh thu cung cấp dịch vụ		1.025.819.728	1.025.819.728
		<u>110.826.187.548</u>	<u>110.826.187.548</u>
		-	-
17 GIÁ VỐN HÀNG BÁN			Lũy kế đến
	Quý 1 năm 2024		31/03/2024
	VND		VND
Giá vốn của điện thương phẩm đã bán		38.032.840.302	38.032.840.302
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		538.691.109	538.691.109
Dự phòng/ hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
		<u>38.571.531.411</u>	<u>38.571.531.411</u>
		-	-
18 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			Lũy kế đến
	Quý 1 năm 2024		31/03/2024
	VND		VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn		758.902.114	758.902.114
Cổ tức, lợi nhuận được chia		1.956.000.000	1.956.000.000
		<u>2.714.902.114</u>	<u>2.714.902.114</u>
		-	-
19 CHI PHÍ TÀI CHÍNH			Lũy kế đến
	Quý 1 năm 2024		31/03/2024
	VND		VND
Lãi tiền vay		1.688.630.138	1.688.630.138
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		-	-
Lỗ bán ngoại tệ		-	-
		<u>1.688.630.138</u>	<u>1.688.630.138</u>
		-	-
20 CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ			Lũy kế đến
	Quý 1 năm 2024		31/03/2024
	VND		VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu		716.426.389	716.426.389
Chi phí nhân công		10.808.794.440	10.808.794.440
Chi phí khấu hao		21.005.930.797	21.005.930.797
Chi phí dịch vụ mua ngoài		1.071.811.246	1.071.811.246
Chi phí khác		19.753.408.655	19.753.408.655
		<u>53.356.371.527</u>	<u>53.356.371.527</u>
		-	-
21 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP			



	Quý 1 năm 2024	Lũy kế đến 31/03/2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	346.511.663	346.511.663
Chi phí nhân công	3.992.142.788	3.992.142.788
Chi phí khấu hao tài sản cố định	725.416.320	725.416.320
Chi phí dịch vụ mua ngoài	710.512.260	710.512.260
Chi phí khác bằng tiền	8.259.111.322	8.259.111.322
	14.033.694.353	14.033.694.353

22 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Quý 1 năm 2024	Lũy kế đến 31/03/2024
	VND	VND
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.683.663.617	8.683.663.617
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại (i)	23.114.931	23.114.931
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	8.706.778.548	8.706.778.548

(i) Thuế thu nhập hoãn lại: Công ty đã ghi nhận tài sản thuế hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo như sau:

Tài sản thuế TNDN hoãn lại	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả HĐKD	
	31/03/2024	01/01/2024	31/03/2024	01/01/2024
Lợi nhuận chưa thực hiện của các giao dịch nội bộ	1.040.648.490	1.063.763.421	23.114.931	-

24 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Mối quan hệ	Quý 1 năm 2024	Quý 1 năm 2023
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Doanh thu bán điện	Công ty mẹ của cổ đông lớn	68.774.946.279	154.064.438.121
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Cổ tức công bố Cổ tức đã thanh toán	Công ty mẹ	- 38.365.168.000	21.117.937.610 5.000.000.000
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	Cổ tức công bố Cổ tức đã thanh toán	Cổ đông lớn	- 19.050.000.000	- -
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Doanh thu cung cấp dịch vụ Doanh thu khác Góp vốn	Công ty liên kết	54.545.455 60.000.000 19.208.490.000	54.545.455 60.000.000 -
Công ty Cổ phần Phát triển điện Đông Dương	Doanh thu tài chính Thu gốc vay	Công ty trong cùng tập đoàn	14.795.032 5.000.000.000	273.095.890 2.000.000.000
Tổng Công Ty Điện Lực Miền Bắc	Doanh thu bán điện	Cùng công ty mẹ với cổ đông lớn	41.025.421.541	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán quý:

	Mối quan hệ	31/03/2024	01/01/2024
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		149.278.496.862	156.305.039.738
Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ của cổ đông lớn	135.855.213.573	139.957.894.282
Công ty Cổ phần phát triển điện Đông Dương	Công ty trong cùng tập đoàn	-	235.000.000
Tổng Công Ty Điện Lực Miền Bắc	Cùng công ty mẹ với cổ đông lớn	13.423.283.289	16.112.145.456
Phải trả ngắn hạn khác		-	-
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Công ty mẹ	-	38.365.168.000
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn	-	19.050.000.000
Người mua trả tiền trước			
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thủy Điện Thác Bà 2	Công ty liên kết	3.596.854.522	3.596.854.522
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần phát triển điện Đông Dương	Công ty trong cùng tập đoàn	-	24.808.804
Phải thu về cho vay			
Công ty Cổ phần phát triển điện Đông Dương	Công ty trong cùng tập đoàn	-	5.000.000.000
<i>Trong đó:</i>			
- Cho vay ngắn hạn		-	5.000.000.000
25 . THÔNG TIN KHÁC			
Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế Quý 1/2024 với Quý 1/2023 tại BCTC hợp nhất			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 1/2024 đạt 50.272.020.548 đồng			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 1/2023 đạt 79.268.568.751 đồng			



Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 1/2024 so với Quý 1/2023 của Báo cáo tài chính hợp nhất giảm 28.996.548.203 đồng là do các nguyên nhân sau:

1. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 1/2024 so với Quý 1/2023 trên Báo cáo tài chính riêng Công ty giảm 57.772.596.330 đồng là do các nguyên nhân sau:

- Tổng doanh thu Quý 1/2024 so với cùng kỳ năm 2023 giảm 71.588.794.768 đồng là do Doanh thu hoạt động điện giảm 48.829.364.564 đồng so với cùng kỳ năm 2023, nguyên nhân là do bên mua điện dự phòng phát điện các tháng cao điểm nắng nóng ở miền Bắc vào Quý 2/2024 nên hạn chế huy động nhà máy thủy điện trong Quý 1/2024, dẫn đến sản lượng điện thương phẩm trong Quý 1/2024 của Công ty giảm so với cùng kỳ năm 2023 là 39,33 triệu kWh (giảm 35%). Đồng thời, giá điện bình quân Quý 1/2024 giảm 106,5 đ/kWh so với cùng kỳ năm 2023 (giá điện bình quân Quý 1/2023 là 1.045,1 đ/kWh). Doanh thu hoạt động dịch vụ kỹ thuật giảm 1.721.680.747 đồng (giảm 63%) so với cùng kỳ năm 2023 là do giá trị các hợp đồng dịch vụ kỹ thuật được nghiệm thu trong Quý 1/2024 giảm hơn so với cùng kỳ năm 2023. Doanh thu Hoạt động tài chính giảm 21.009.177.857 đồng (giảm 84%) so với cùng kỳ năm 2023 do Quý 1/2024 Công ty không phát sinh doanh thu từ cổ tức của công ty con như cùng kỳ Quý 1/2023. Doanh thu khác Quý 1/2024 giảm 28.571.600 đồng (giảm 13%) so với cùng kỳ năm 2023.

- Tổng chi phí Quý 1/2024 so với cùng kỳ năm 2023 giảm 4.366.102.279 đồng (giảm 11%) so với cùng kỳ năm 2023 chủ yếu do chi phí Thuế tài nguyên và phí dịch vụ môi trường rừng Quý 1/2024 giảm so với cùng kỳ năm 2023 (do sản lượng Quý 1/2024 giảm so với cùng kỳ năm 2023) và giảm chi phí thường xuyên khác.

- Thuế TNDN Quý 1/2024 so với cùng kỳ năm 2023 giảm 9.450.096.159 đồng (giảm 55%) so với cùng kỳ năm 2023. Chính sách thuế TNDN áp dụng cho công ty trong Quý 1/2024 không thay đổi so với cùng kỳ năm trước. Thuế TNDN trong Quý 1/2024 giảm là do lợi nhuận trước thuế TNDN Quý 1/2024 giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2023.

2. Lợi nhuận sau thuế Quý 1/2024 so với cùng kỳ năm 2023 của Báo cáo tài chính hợp nhất ảnh hưởng bởi doanh thu, chi phí, Thuế TNDN, Lợi nhuận sau thuế TNDN Quý 1/2024 của Công ty con vào Nhóm công ty, như sau:

- Tổng doanh thu Quý 1/2024 của Công ty con so với cùng kỳ năm 2023 tăng 3,8 tỷ đồng (tăng 10,4%). Nguyên nhân là do Quý 1/2024, tình hình thủy văn thuận lợi so với Quý 1/2023, sản lượng điện thương phẩm tăng so với cùng kỳ năm 2023 là 3,8 triệu kWh. Theo đó, doanh thu điện Quý 1/2024 tăng 4,5 tỷ đồng (tăng 12,5%) so với cùng kỳ năm 2023. Doanh thu tài chính giảm 687 triệu đồng do vốn lưu động bình quân tháng trong Quý 1/2024 thấp hơn cùng kỳ năm 2023 dẫn đến lãi tiền gửi có kỳ hạn Quý 1/2024 và lãi tiền cho vay giảm so với cùng kỳ năm 2023.

- Tổng chi phí Quý 1/2024 của Công ty con so với cùng kỳ năm 2023 giảm 3,7 tỷ đồng (giảm 17,8%) so với cùng kỳ năm 2023 chủ yếu do một số tài sản máy móc thiết bị đã hết thời gian khấu hao, đồng thời giảm một số chi phí thường xuyên so với cùng kỳ phát sinh trong Quý 1/2023.

- Thuế TNDN Quý 1/2024 so với cùng kỳ năm 2023 tăng 381 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2023. Chính sách thuế TNDN áp dụng cho công ty con trong Quý 1/2024 không thay đổi so với cùng kỳ năm trước, thuế TNDN trong Quý 1/2024 tăng là do lợi nhuận trước thuế Quý 1/2024 tăng so với cùng kỳ năm 2023.

- Lợi nhuận sau thuế Quý 1/2024 so với cùng kỳ năm 2023 tăng 7,2 tỷ đồng (tăng 47,1%) do biến động các chi tiêu doanh thu, chi phí, thuế TNDN đã giải trình bên trên.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 1 năm 2024



Nguyễn Trung Hiếu
Người lập



Lê Hồng Minh
Kế Toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Ngày 26 tháng 04 năm 2024

